

HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG

— ๑๐๘ ❖ ๑๐๘ —

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
của cơ sở GIẾT MỒ GIA CẦM  
TRƯỜNG THỊNH**

*Địa chỉ: Ấp Chặng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh*



Châu Thành, tháng 11 năm 2023

HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG

-----❖-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
của cơ sở GIẾT MỒ GIA CẦM  
TRƯỜNG THỊNH**

*Địa chỉ: Ấp Chặng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh*

**CHỦ CƠ SỞ**

HỘ KINH DOANH  
TRẦN THỊ BÔNG

*B*  
*Trần Thị Bông*

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

CÔNG TY TNHH  
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN



*Tử Chi Thiên*

Châu Thành, tháng 11 năm 2023

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

---

**MỤC LỤC**

|   |           |
|---|-----------|
| MỤC LỤC.....  | i         |
| DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT .....   | iii       |
| DANH MỤC BẢNG.....  | iv        |
| Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....  | 1         |
| 1. Tên chủ cơ sở.....   | 1         |
| 2. Tên cơ sở :.....   | 1         |
| 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....   | 4         |
| 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....  | 4         |
| 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....  | 4         |
| 3.3. Sản phẩm của cơ sở.....  | 6         |
| 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở ..... | 6         |
| 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở .....   | 7         |
| Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, .....  | 10        |
| KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....   | 10        |
| 1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....           | 10        |
| 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....  | 10        |
| Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....                             | 13        |
| 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....  | 13        |
| 1.2.Thu gom, thoát nước thải:.....  | 13        |
| <b>1.3. Xử lý nước thải sinh hoạt: .....</b>  | <b>13</b> |
| 1.4. Xử lý nước thải sản xuất: .....  | 15        |
| 2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....   | 17        |
| 2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn .....  | 17        |
| 2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....   | 19        |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

---

|  |    |
|--|----|
| 2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....  | 19 |
| c) Sự cố xảy ra dịch bệnh.....   | 21 |
| Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....  | 24 |
| 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có .....  | 24 |
| Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....   | 26 |
| Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....   | 28 |
| 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....                                      | 28 |
| 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật ..... | 28 |
| 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....   | 28 |
| 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....  | 29 |
| 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....  | 29 |
| Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....                      | 30 |
| Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....   | 31 |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

---

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

|       |                            |
|-------|----------------------------|
| BTNMT | : Bộ Tài nguyên Môi trường |
| UBND  | : Ủy ban nhân dân          |
| QH    | : Quốc hội                 |
| NĐ-CP | : Nghị định – Chính phủ    |
| WHO   | : Tổ chức y tế thế giới    |
| GPMT  | : Giấy phép môi trường     |
| TNHH  | : Trách nhiệm hữu hạn      |
| QCVN  | : Quy chuẩn Việt Nam       |
| TCVN  | : Tiêu chuẩn Việt Nam      |
| BYT   | : Bộ Y tế                  |
| PCCC  | : Phòng cháy chữa cháy     |
| CTTT  | : Chất thải thông thường   |
| CTNH  | : Chất thải nguy hại       |
| HTXL  | : Hệ thống xử lý           |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

---

**DANH MỤC BẢNG**

|  |    |
|--|----|
| Bảng 1. Máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của Cơ sở.....            | 6  |
| Bảng 2. Máy móc thiết bị dự kiến phục vụ cho khu 2.....                  | 7  |
| Bảng 3. Các hạng mục công trình chính.....                               | 8  |
| Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí xung quanh cách Cơ sở 100m .... | 12 |
| Bảng 5. Các sự cố và cách khắc phục khi vận hành hầm Biogas.....         | 19 |
| Bảng 6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí xung quanh cách Cơ sở 100m .... | 26 |
| Bảng 7. Chương trình quan trắc định kỳ của cơ sở .....                   | 28 |
| Bảng 8. Dự toán kinh phí quan trắc môi trường.....                       | 29 |

**DANH MỤC HÌNH**

|   |    |
|---|----|
| Hình 1. Sơ đồ vị trí của cơ sở .....  | 2  |
| Hình 2. Sơ đồ mặt bằng tổng thể của cơ sở (khu 1) .....                       | 3  |
| Hình 3. Sơ đồ mặt bằng tổng thể của cơ sở (khu 2) .....                       | 3  |
| Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa.....                                  | 13 |
| Hình 5. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt.....                              | 14 |
| Hình 6. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn.....                                 | 15 |
| Hình 7. Quy trình xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung..... | 15 |
| Hình 8. Mô hình hố chôn lấp, tiêu hủy heo chết.....                           | 22 |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỔ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

---

---

**Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

**1. Tên chủ cơ sở**

- Tên chủ cơ sở: **Hộ kinh doanh Trần Thị Bông**
- Địa chỉ trụ sở: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Trần Thị Bông
- Mã số thuế: 8540498419
- Điện thoại: 0979122201
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 58C8001442 do Phòng tài chính – kế hoạch, UBND huyện Châu Thành cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 20 tháng 01 năm 2022.

**2. Tên cơ sở :**

- Tên cơ sở: **Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh (gọi tắt là cơ sở)**
- Địa điểm cơ sở: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Quy mô cơ sở được xây dựng khu đất có tổng diện tích 1000 m<sup>2</sup> trong đó khu 1 (hiện hữu), khu 2 (dự kiến quý I-2024 đi vào hoạt động) tại Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Vốn kinh doanh của Cơ sở là 300.000.000 (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).
- + Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh được quy định tại khoản 3 điều 10 của Luật công và khoản 4 mục IV Phụ lục I nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Công cơ sở được xác định thuộc Nhóm C.
- + Căn cứ mục 2, Phụ lục V nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở nhóm III.
- + Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy phép môi trường.

Từ cận khu đất như sau:

- + Bắc giáp với nhà dân;

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ GIẾT MỒ GIA CẨM TRƯỜNG THỊNH

---

- + Nam giáp với nhà dân;
- + Đông giáp với quốc lộ 53;
- + Tây giáp với nhà dân.

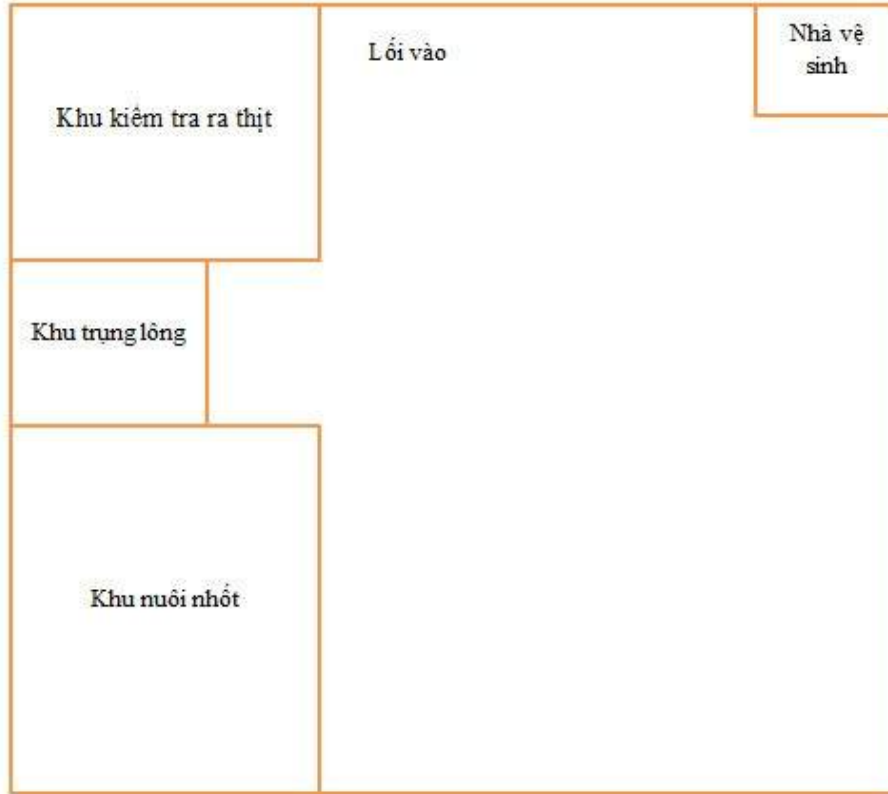


**Hình 1. Sơ đồ vị trí của cơ sở**

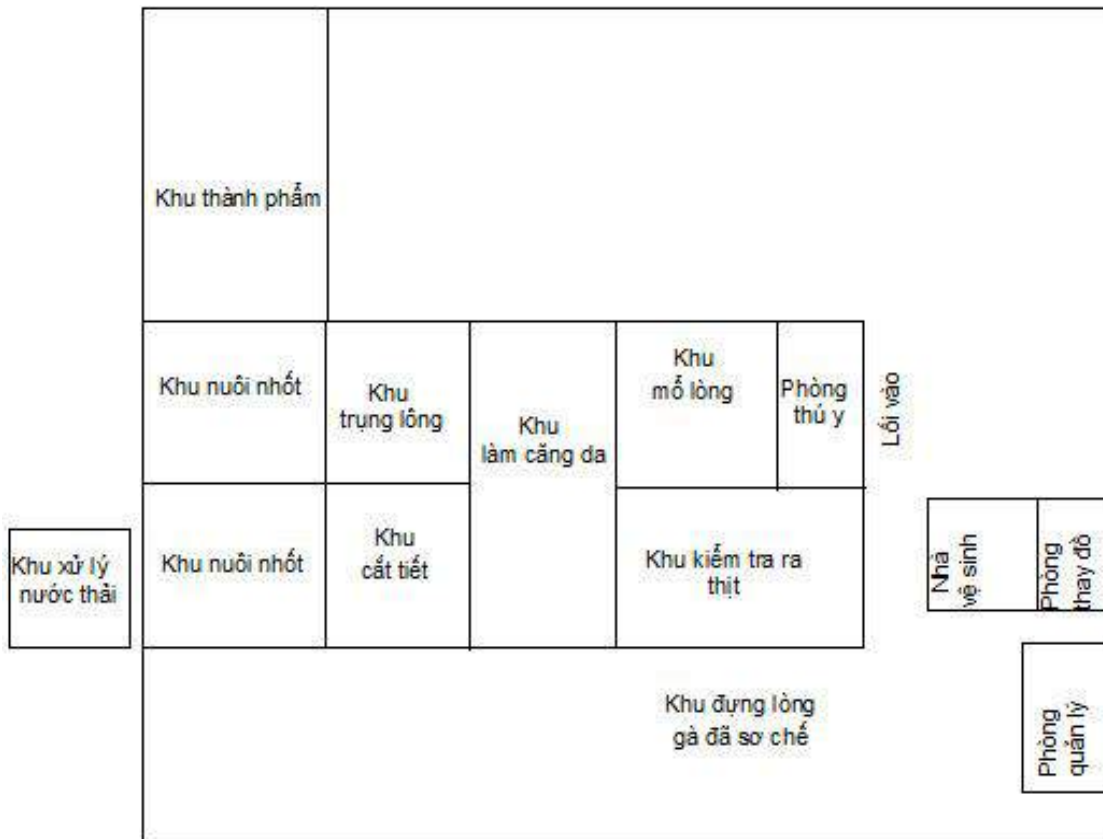


**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

---



**Hình 2. Sơ đồ mặt bằng tổng thể của cơ sở (khu 1)**



**Hình 3. Sơ đồ mặt bằng tổng thể của cơ sở (khu 2)**

---

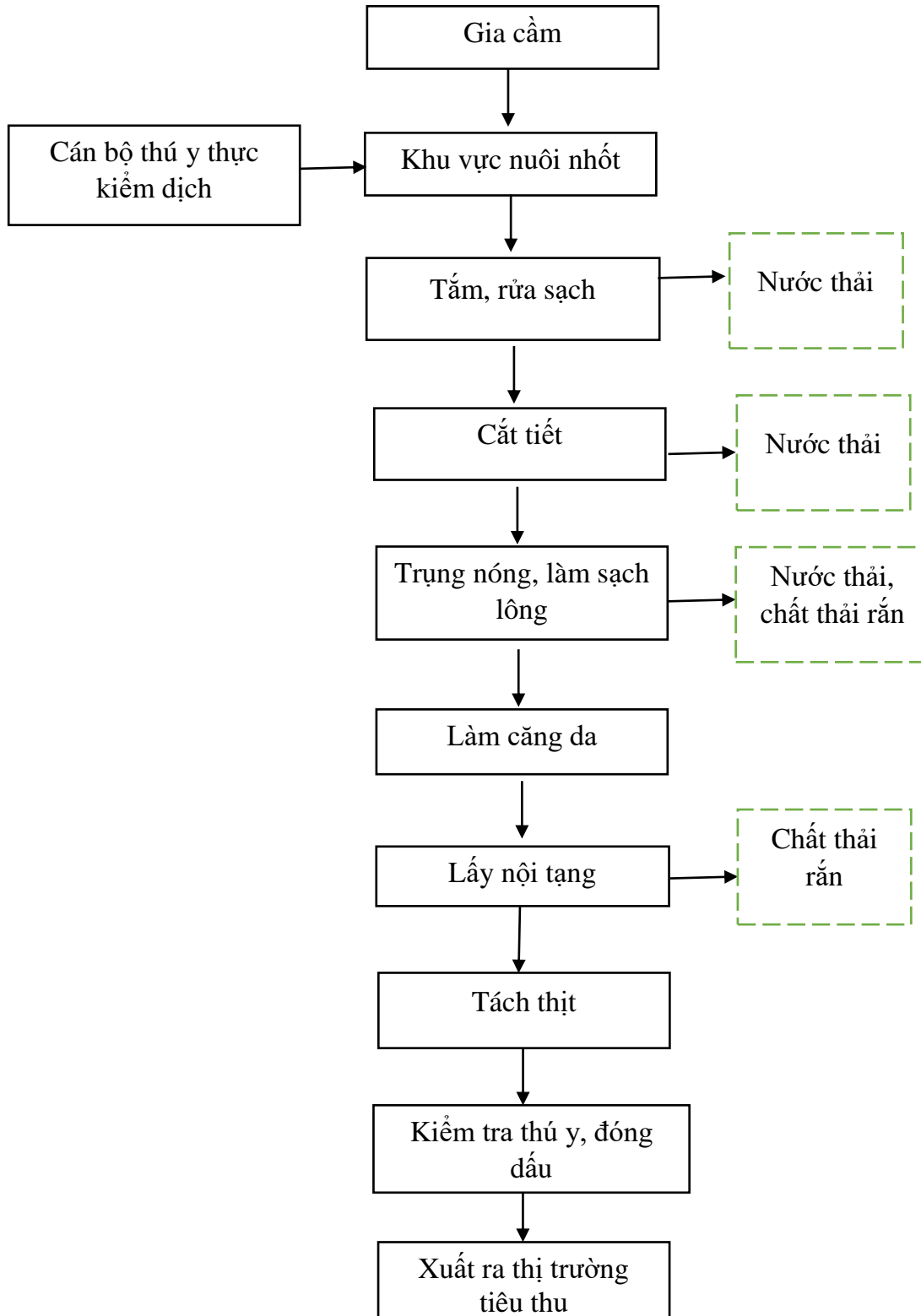
**3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

**3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

Công suất của Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh với công suất 300 con gia cầm/ngày.

**3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

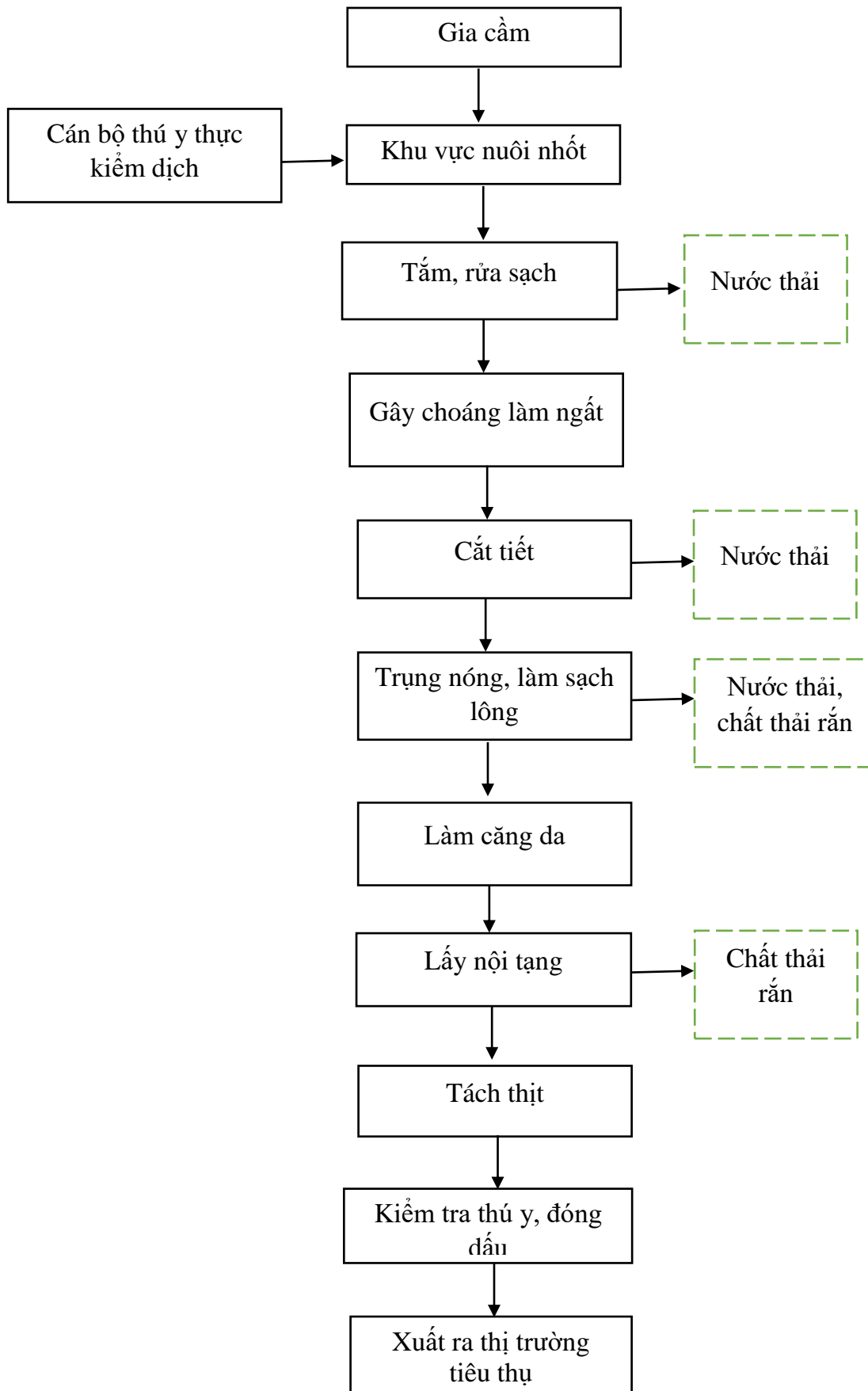
\* Công nghệ sản xuất của khu 1 (hiện hữu) như sau:



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MÔ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

\* Công nghệ sản xuất của khu 2 như sau:



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỔ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

---

➤ **Thuyết minh quy trình**

Gia cầm (gà) được Cơ sở thu mua với tần suất 2 ngày/lần, sau khi gia cầm được vận chuyển tại khu nuôi nhốt Cơ sở tiến hành kiểm tra tình trạng dịch bệnh. Trường hợp gia cầm được kiểm dịch không đạt chuẩn sẽ được thu gom xử lý tại lò đốt nhằm mục đích tiêu hủy mầm dịch bệnh.

Công đoạn gây choáng: Khi chuẩn bị giết mổ gia cầm được tắm sạch và đưa tới công đoạn kích ngất, phương pháp sử dụng là dùng máy chích điện.

Công đoạn cắt tiết: Sau khi gây choáng gia cầm được cắt tiết bằng dụng cụ sắc nhọn rạch ngay động mạch chủ ngay cổ để máu chảy ra và chậm nhất là 1 phút sau công đoạn gây choáng. Lượng huyết lấy ra khoảng 5% trọng lượng.

Công đoạn trung nóng và làm sạch lông: Gia cầm được di chuyển đến công đoạn trung nóng (nhiệt độ trong nồi được duy trì ở khoảng 62<sup>0</sup>C) để làm sạch lông và được vệ sinh sạch.

Công đoạn làm căng da: Gia cầm sau khi được vệ sinh làm sạch lông sẽ được xử lý qua máy làm căng da.

Công đoạn lấy nội tạng, tách thịt: Gia cầm sẽ được công nhân mổ lấy lòng và tách thịt.

Công đoạn kiểm tra thú y và đóng dấu: Công đoạn cuối cùng là cán bộ thú y kiểm tra, đóng dấu và thịt gia cầm được vận chuyển ra thị trường tiêu thụ.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Sản phẩm của Cơ sở chủ yếu là gia cầm (gà) đã được xử lý giết mổ đạt tiêu chuẩn.

## **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở**

**Bảng 1. Máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của Cơ sở**

| <b>STT</b> | <b>Tên máy móc, thiết bị</b> | <b>Đơn vị</b> | <b>Tình trạng sử dụng</b> |
|------------|------------------------------|---------------|---------------------------|
| 1          | Nồi nước ngâm                | 01            | 70%                       |
| 2          | Máy đánh lông                | 02            | 70%                       |
| 3          | Nồi làm căng da              | 01            | 70%                       |
| 4          | Bàn ra nội tạng              | 01            | 70%                       |

*Nguồn: Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh*

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỔ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

**Bảng 2. Máy móc thiết bị dự kiến phục vụ cho khu 2**

| <b>STT</b> | <b>Tên máy móc, thiết bị</b> | <b>Đơn vị</b> | <b>Thời gian dự kiến</b> |
|------------|------------------------------|---------------|--------------------------|
| 1          | Nồi nước ngâm                | 01            | Quý I - 2024             |
| 2          | Máy đánh lông                | 01            |                          |
| 3          | Nồi làm căng da              | 01            |                          |
| 4          | Bàn ra nội tạng              | 01            |                          |

*Nguồn: Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh*

**a. Nhu cầu về nguyên liệu**

Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh hoạt động giết mổ ước tính khoảng 300 con gia cầm/ngày và tùy thuộc vào nhu cầu tiêu thụ thịt gia cầm hàng ngày trên thị trường. Gia cầm được thu mua trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và các tỉnh lân cận.

**b. Nhu cầu về nhiên liệu**

- Nguồn cung cấp điện: Điện lực Châu Thành.
- Nhu cầu sử dụng điện khoảng 7.200 kWh/tháng. Việc sử dụng điện phục vụ cho mục đích thắp sáng và hoạt động của các loại máy móc, thiết bị.

**c. Nhu cầu cung cấp nước**

- Nguồn nước sử dụng cho sản xuất ước tính 4m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt:
- Số lượng nhân viên làm việc tại Cơ sở khoảng 6 người. Lượng nước cấp cho sinh hoạt trung bình khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nguồn cung cấp nước cho cơ sở là đơn vị Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh Môi trường nông thôn xã Hoà Lợi.

**5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

Cơ sở bao gồm các hạng mục công trình chính và các hạng mục công trình phụ trợ như sau:

**a. Các hạng mục công trình chính:**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỔ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

**Bảng 3. Các hạng mục công trình chính**

| <b>STT</b>       | <b>Hạng mục</b>                  | <b>Số lượng</b> | <b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b> |
|------------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------------|
| 1                | Khu vực giết mổ 1                | 1               | 300                              |
| 2                | Khu thành phẩm                   | 1               | 72                               |
| 3                | Khu nuôi nhốt                    | 2               | 50                               |
| 4                | Khu trung lông                   | 1               | 20                               |
| 5                | Khu cắt tiết                     | 2               | 20                               |
| 6                | Khu làm căng da                  | 1               | 20                               |
| 7                | Khu mổ lông                      | 1               | 20                               |
| 8                | Khu kiểm tra ra thịt             | 1               | 25                               |
| 9                | Phòng thú y                      | 1               | 18                               |
| 10               | Khu đựng lòng gà đã sơ chế       | 1               | 50                               |
| 11               | Phòng quản lý                    | 1               | 30                               |
| 12               | Nhà vệ sinh                      | 1               | 25                               |
| 13               | Phòng thay đồ                    | 1               | 15                               |
| 14               | Khu xử lý nước thải (hầm biogas) | 1               | 15                               |
| 15               | Lối đi nội bộ, cây xanh...       | Toàn bộ         | 320                              |
| <b>Tổng cộng</b> |                                  |                 | <b>1.000</b>                     |

**b. Các hạng mục công trình phụ trợ:** Diện tích khoảng 1000 m<sup>2</sup> gồm các hạng mục công trình như sau:

- Khu vực sân bãi
- Lối đi nội bộ
- Khu vực trồng cây xanh...

**c. Công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

- Công trình thu gom và thoát nước mưa: Do tính chất nước mưa tương đối sạch nên chủ cơ sở không xây dựng các công trình hạ tầng mang tính chuyên dụng, tại Cơ sở có máng xối để thu nước mưa.

- Công trình thu gom và xử lý nước thải: Nước thải tại Cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại, nước thải sản xuất được thu gom xử lý bằng hầm biogas.

- Công trình xử lý bụi và khí thải: Bụi và khí thải chủ yếu phát sinh từ phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị, xe chở hàng hoá ... tải lượng khí thải không đáng kể nên chủ đầu không xây dựng các công trình xử lý. Chủ có biện pháp che chắn cho xe vận chuyển hàng hoá nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc phát sinh bụi trong quá trình vận chuyển.

- Công trình quản lý CTNH: Chất thải nguy hại tại cơ sở chủ yếu là bóng đèn thải huỳnh quang thải, giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại với số lượng không nhiều. Chủ đã trang bị thùng chứa chuyên dụng để chứa loại chất thải này đảm bảo theo quy định.

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn: Bố trí các thùng chứa rác trong khuôn viên Cơ sở và định kỳ mỗi ngày 1 lần thu gom vào thùng chứa rác công cộng để đơn vị thu gom rác trên địa bàn đến thu gom và xử lý.

- Công trình phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường đối với nước thải: Lượng nước thải sản xuất với lưu lượng tối đa khoảng 4 m<sup>3</sup>/ngày, lưu lượng nước thải sinh hoạt là 0,384 m<sup>3</sup>/ngày. Cho nên chủ cơ sở không xây dựng các công trình phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường đối với nước thải. Chủ cơ sở thuê xe bồn có đầy đủ chức năng đến hút bùn khi hầm tự hoại đầy.

- Công trình phòng ngừa, ứng phó với sự cố cháy nổ: Treo các bảng nội quy và tiêu lệnh chữa cháy, bố trí bình chữa cháy... theo TCVN 3890:2009 Tiêu chuẩn về phương tiện PCCC cho nhà và công trình – trang bị, bố trí, kiểm tra và bảo dưỡng.

**Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,  
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

**1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh**

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

Vị trí thực hiện cơ sở tại Ấp Chặng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Mặt khác Trà Vinh là một tỉnh thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long, là điểm sáng về thu hút trong và ngoài nước, ngoài hệ thống giao thông thuận lợi, còn có lực lượng lao động dồi dào, vì vậy đây là khu vực thuận lợi phát triển của cơ sở.

Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Cơ sở giúp thúc đẩy phát triển nền kinh tế của địa phương, tạo ra các cơ hội việc làm, cải thiện đời sống cho người dân khu vực, tăng thu nhập ngân sách cho địa phương, giảm thiểu các tác động từ chất thải đến con người, môi trường xung quanh.

Do vậy, việc thực hiện cơ sở “Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh” là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh.

**2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

**a) Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước**

Cơ sở sử dụng nước thủy cục, không sử dụng nước giếng khoan nên không gây tác động đến nước dưới đất.

Nguồn tiếp nhận nước thải là ao chứa sinh học được bố trí tại Cơ sở, có thể tích 320 m<sup>3</sup> (dài 20m x rộng 8m x sâu 2m). Ao chứa sinh học được trồng các cây thực vật như thủy trúc, lục bình có khả năng hấp thụ và chuyển hóa các chất thải từ môi trường nước, ngoài ra còn tạo cảnh quan cho khu vực. Vì vậy, nước thải tại Cơ sở không xả ra sông không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước tại khu vực.



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MÔ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

Kết quả phân tích mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: 29/9/2023
- Chỉ tiêu thử nghiệm: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng N, Coliforms
- Quy chuẩn so sánh:  
+ QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp

**Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải sau hệ thống xử lý**

| STT | Thông số         | Đơn vị    | Kết quả | QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B |
|-----|------------------|-----------|---------|---------------------------|
| 1   | pH               | --        | 6,95    | 5,5 – 9                   |
| 2   | TSS              | mg/L      | 46,8    | 100                       |
| 3   | COD              | mg/L      | 87      | 150                       |
| 4   | BOD <sub>5</sub> | mg/L      | 31      | 50                        |
| 5   | Tổng N           | mg/L      | 18,3    | 40                        |
| 6   | Coliforms        | MPN/100mL | 3.300   | 5.000                     |

*Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm số 290923/9815:1/QTMT/REC của Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường – REC*

**Nhận xét:** Qua kết quả phân tích có 06/06 thông số nằm trong quy chuẩn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, nước thải sau hệ thống xử lý có chất lượng tốt.

**Bảng 5. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí xung quanh cách Cơ sở 100m**

**b) Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí**

Chất lượng không khí khu vực tại cơ sở và xung quanh cơ sở tại thời điểm khảo sát bình thường. Không thấy hiện tượng không khí bị ô nhiễm.

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực cách cơ sở 100m theo hướng gió
- Ngày lấy mẫu: 27/9/2022
- Chỉ tiêu thử nghiệm: Tiếng ồn, Bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO
- Quy chuẩn so sánh:

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

- + QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- + QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 27: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**Bảng 6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí xung quanh cách Cơ sở 100m**

| TT | Chỉ tiêu        | Đơn vị            | Kết quả | QCVN 05:<br>2023/BTNMT | QCVN 26:<br>2010/BTNMT |
|----|-----------------|-------------------|---------|------------------------|------------------------|
| 1  | Tiếng ồn        | dBA               | 65      | -                      | 70                     |
| 2  | Bụi tổng        | mg/m <sup>3</sup> | 0,11    | 0,3                    | -                      |
| 3  | SO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | 0,054   | 0,35                   | -                      |
| 4  | NO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | 0,045   | 0,2                    | -                      |
| 5  | CO              | mg/m <sup>3</sup> | 4,10    | 30                     | -                      |

*Nguồn:*

- *Phiếu kết quả thử nghiệm số 10.22.490-1 ngày 04/10/2022 của Công ty CP Phát triển và phân tích môi trường Pacific.*

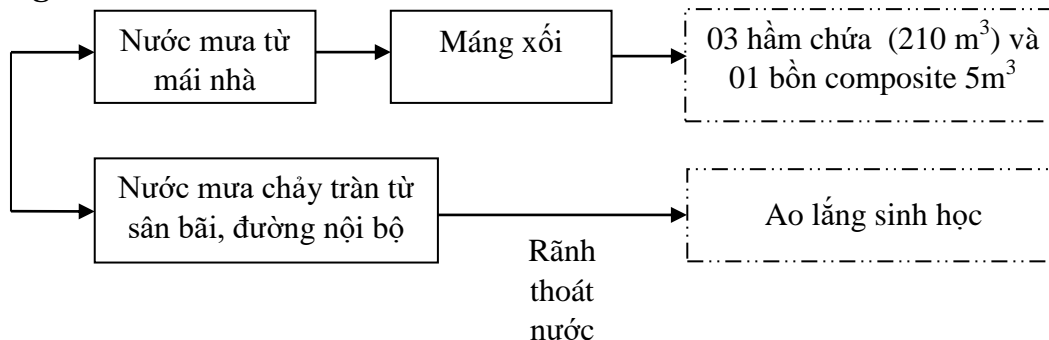
- *Phiếu kết quả thử nghiệm số 10.22.490-2 ngày 04/10/2022 của Công ty CP Phát triển và phân tích môi trường Pacific.*

**Nhận xét:** Qua bảng phân tích kết quả cho thấy chất lượng môi trường không khí tại khu vực cách Cơ sở 100 m khá tốt đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh, QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

### **Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

##### **1.1. Thu gom và thoát nước mưa:**



**Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa**

- Nước mưa từ máng xối của cơ sở sẽ được thu gom vào 03 hầm chứa (210 m<sup>3</sup>) và 01 bồn composite 5m<sup>3</sup>.

- Nước mưa chảy tràn từ sân bãi, đường nội bộ của cơ sở sẽ được thu gom về rãnh thoát nước được bố trí tại cơ sở sau đó sẽ được chảy vào ao lắng sinh học.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn:

+ Vệ sinh sân bãi, đường nội bộ. Tần suất thực hiện 01 lần/ngày.

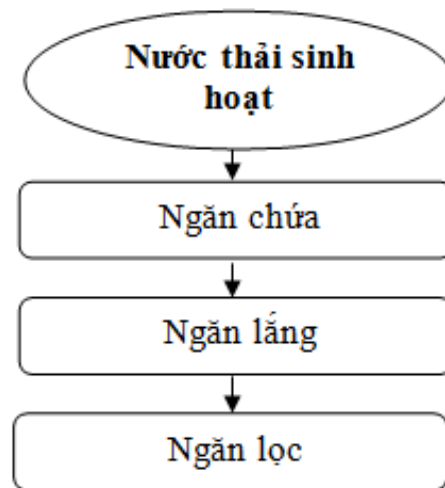
+ Các loại chất thải rắn được tập kết đúng nơi quy định để hạn chế nguồn gây ô nhiễm cho nước mưa chảy tràn.

##### **1.2. Thu gom, thoát nước thải:**

Nước thải sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của nhân viên cửa hàng từ nhà vệ sinh được thu gom vào hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý, tại cơ sở bố trí 02 nhà vệ sinh, thể tích hầm tự hoại bố trí mỗi nhà vệ sinh là 7 m<sup>3</sup>. Nước thải sau xử lý tự thấm vào môi trường đất.

##### **1.3. Xử lý nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt tại cơ sở sẽ được xử lý bằng hầm tự hoại nguyên lý hoạt động theo sơ đồ sau:



**Hình 5. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt**

\* *Thuyết minh quy trình:* Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 02 chức năng bao gồm lắng và phân huỷ cặn lắng.

Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa và phân huỷ kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm 1/2 tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối.

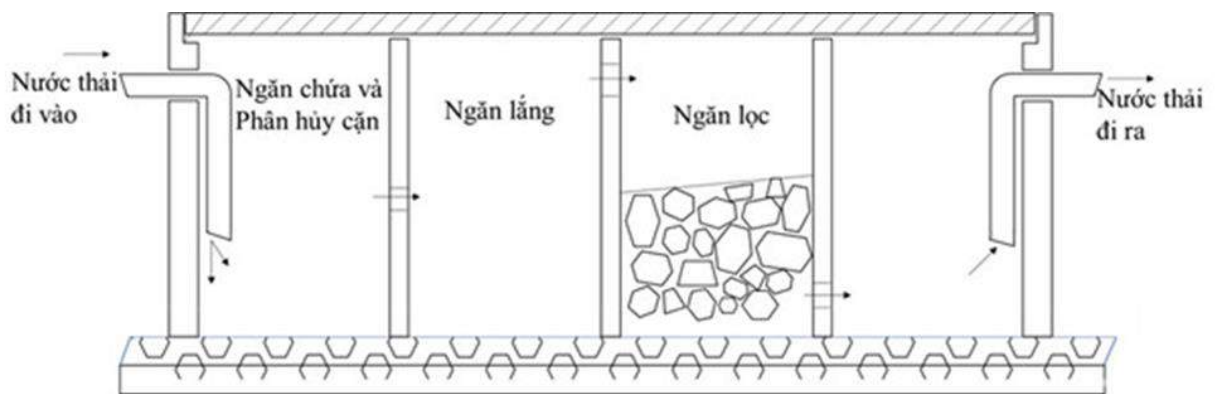
+ Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể và giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân huỷ trong bể.

+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai ngăn lắng. Thể tích của ngăn lắng chiếm 1/4 tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân huỷ của vi sinh vật. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo,... được phân huỷ bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất

không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là  $CH_4$ ,  $CO_2$ ,  $H_2S$ ,  $NH_3$ ,...).

+ Ngăn gạn: Thể tích chiếm  $\frac{1}{4}$  tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu gạn. Nước thải sau ngăn gạn sẽ được chảy về ao lắng trong khuôn viên cơ sở.

- Xử lý bùn thải phát sinh từ hầm tự hoại: Thực hiện thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải hầm tự hoại và xử lý đúng quy định tần suất 1 lần/năm.

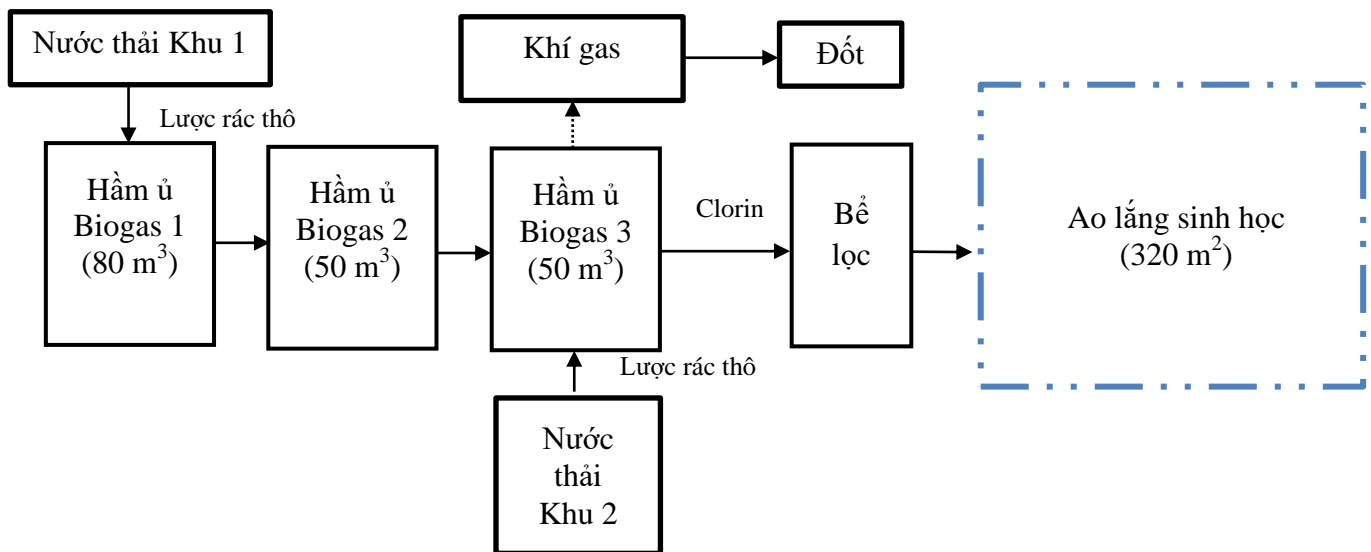


**Hình 6. Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 3 ngăn**

#### **1.4. Xử lý nước thải sản xuất:**

Lưu lượng nước thải phát sinh hoạt động sản xuất khoảng  $4 m^3/ngày$ . Nước thải sản xuất thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Quy trình xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:



**Hình 7. Quy trình xử lý nước thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung**

**Quy trình xử lý chất thải:**

**- Xử lý bằng hầm ủ biogas:**

Tại hầm ủ biogas diễn ra quá trình phân hủy kỵ khí nhờ hoạt động của hệ vi sinh vật kỵ khí bắt buộc góp phần xử lý đáng kể các chất hữu cơ, dinh dưỡng trong nước thải. Đặc trưng của quá trình sinh học kỵ khí là phát sinh khí gas (hỗn hợp khí metan, CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, NO<sub>x</sub> ...) được tận dụng để làm khí đốt, phục vụ cho hoạt động của cơ sở; bùn sau quá trình ủ được tận dụng để làm phân bón cho cây trồng.

Sản phẩm sau quá trình ủ biogas tiêu diệt được đa số mầm bệnh nhờ nhiệt độ sinh ra trong quá trình ủ.

Sau đó nước thải được châm Clorin có tác dụng oxy hóa chất hữu cơ khử trùng nước thải.

**- Bể lọc**

Nước thải sẽ được dẫn đến bể lọc. Bể lọc (chứa các vật liệu cát, sỏi, đá dăm) có thời gian lưu dài thuộc loại bể lọc chậm theo dòng chảy tự nhiên nên hiệu suất lọc cao. Bể lọc góp phần xử lý các cặn lắng còn sót lại qua đó góp phần giảm TSS, COD, BOD, dinh dưỡng và Coliform.

**- Ao sinh học**

Do hiệu suất xử lý của quá trình ủ biogas chỉ đạt từ 60-70% nên nước thải sau quá trình xử lý này vẫn chưa đạt tiêu chuẩn, còn chứa nhiều chất dinh dưỡng, dễ gây hiện tượng phú dưỡng hóa ảnh hưởng đến các loài động vật trong nước nên tiếp tục được xử lý bằng ao sinh học. Hiệu suất xử lý nước thải của lục bình đối với độ đục là 97,79%, COD là 66,10%, nito tổng là 64,36%, phosphat tổng là 42,54%.

Trong ao có trồng rau muống, lục bình và thả cá. Sử dụng ao nuôi cá là một phương pháp lọc sinh học được áp dụng khá phổ biến vì tốn ít chi phí, có hiệu quả trong việc xử lý nước và dễ làm. Bằng cách nuôi các loại cá ăn tạp chủ yếu là cá rô phi trong ao lắng sẽ góp phần giảm bớt tối đa sự sinh trưởng của các loại rong tảo và vi sinh vật... giúp tăng hiệu suất xử lý nước. Ao nuôi cá có diện tích lớn và dòng chảy chậm, thời gian lưu nước dài nên cũng góp phần xử lý TSS trước khi thải ra môi trường. Ngoài ra, sự sinh trưởng và phát triển của cá trong ao cũng là một chỉ thị sinh học quan trọng chứng tỏ nước thải sau xử lý phù hợp thải ra môi trường xung quanh.

Nước thải sau xử lý được thải vào ao tiếp nhận của cơ sở.

Cặn từ hầm ủ Biogas sẽ được dùng làm phân bón cho cây trồng. Sau thời gian sử dụng (khoảng 1 năm) thì cặn trong hầm ủ được vét ra, nhằm trả lại thể tích phân hủy và được tận dụng làm nguồn phân hữu cơ.

## **2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

- Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển: Bụi và khí thải có thể phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào cơ sở. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu là do sản phẩm chất đốt nhiên liệu dầu Diesel. Khí thải khi đốt cháy dầu chủ yếu là các khí: CO, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, VOC.....

- Tác động đến môi trường: nguồn phát thải này rộng và là nguồn ô nhiễm phân tán, nguồn thải di động và nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí ở mức thấp nên ảnh hưởng của khí thải đến môi trường không khí không lớn. Tại cơ sở thì phương tiện ra vào trong khoảng thời gian ngắn, phương tiện tắt máy khi đến giao dịch nên mức độ ảnh hưởng đến môi trường không khí tại khu vực thấp.

Để giảm thiểu nguồn ô nhiễm này các biện pháp được áp dụng như sau:

- Các tuyến đường nội bộ, sân bãi đều được bê tông hóa. Định kỳ vệ sinh tuyến đường nội bộ, sân bãi. Tần suất tối thiểu 01 lần /ngày.

- Tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên Dự án, qua đó cải thiện điều kiện vi khí hậu, tạo cảnh quan và giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa khu vực sân, đường bị xuống cấp có khả năng phát sinh bụi.

- Tại cơ sở bố trí hàng rào cao 3m, tại khuôn viên cơ sở trồng cây xanh dọc theo hàng rào che chắn nhằm hạn chế bụi, mùi hôi.

## **2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn**

### **a) Công trình lưu giữ, xử lý rác thải sinh hoạt**

Thành phần chính chủ yếu của chất thải rắn sinh hoạt bao gồm vỏ trái cây, thức ăn thừa, bao bì, túi nylon, giấy, vỏ hộp, ... phát sinh khoảng 6kg/ngày.

Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí thùng chứa rác sinh hoạt tại khu vực sinh hoạt của nhân viên và thu gom vào thùng rác công cộng định kỳ 1 lần/ngày.

- Bố trí 01 thùng rác nhựa PE, dung tích 12 lít, có nắp đậy tại khu vực nhà vệ sinh.

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

---

---

- Bố trí 02 thùng rác nhựa PE, dung tích 120 lít, có nắp đậy trên đường nội bộ.
- Hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt với Hợp tác xã xây dựng – Môi trường Châu Thành
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không để công nhân vứt rác bừa bãi;

**b) Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Phế phẩm lông, móng...gia cầm (gà) được thu gom trung bình 5-7kg/ngày bán cho Cơ sở thu mua trong khu vực. Ngoài ra, hoạt động của cơ sở còn phát sinh bao bì chứa thuốc sát trùng khoảng 5 kg/năm .
- Nội tạng của gia cầm sau khi xử lý được thu gom trung bình 100 kg/ngày được bán cho Cơ sở thu mua trong khu vực.

**Biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Bố trí 01 thùng rác nhựa PE, dung tích 120 lít, có nắp đậy.
- Hợp đồng với các đơn vị thu mua lông vũ, nội tạng gia cầm trong khu vực.

**c) Công trình lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại**

Chủ dự án thông kê các loại chất thải nguy hại có thể phát sinh bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, khối lượng phát sinh ước tính tối đa khoảng 5kg/năm.

Xác gia cầm chết do dịch bệnh phụ thuộc vào tình hình dịch bệnh ở địa phương nên không xác định được khối lượng; còn bao bì cứng thải bằng nhựa/kim loại/vật liệu khác (chai/lọ đựng thuốc thú y, thuốc phòng trị bệnh) phát sinh rất ít được thu gom theo quy định.

**Biện pháp xử lý chất thải rắn nguy hại:**

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng rất thấp nên Công ty không xây dựng nhà kho riêng biệt, chỉ bố trí khu vực lưu chứa theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Trang bị 01 thùng chứa chất thải nguy hại (có nắp đậy, đặt ở nơi có mái che, đảm bảo không rò rỉ), có dán nhãn theo đúng quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi số lượng đủ nhiều.



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MÔ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

- Đối với xác gia cầm chết, bệnh cần đem tiêu hủy tại lò tiêu hủy được bố trí tại cơ sở sau khi xác gia cầm được đốt cháy thải ra ao làm thức ăn cho cá.

#### **2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

- Tiếng ồn phát sinh từ: Hoạt động vận chuyển ra vào cơ sở sẽ gây ra tiếng ồn trong khu vực. Khi có nhiều nguồn ồn phát ra cùng lúc, tại bất kỳ điểm nào trên khu vực, đều chịu tác động tổng hợp của các nguồn ồn mang lại.

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không chuyên chở quá tải trọng quy định.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Do cơ sở hoạt động nhiều vào ban đêm nên mọi hoạt động cần phải nhẹ nhàng hạn chế tiếng động mạnh và đảm bảo tiếng ồn không vượt QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

#### **2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

##### **a) Sự cố về nước thải:**

Để kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra từ hệ thống xử lý nước thải (hầm biogas), chủ cơ sở các biện pháp sau:

**Bảng 7. Các sự cố và cách khắc phục khi vận hành hầm Biogas**

| <b>Hiện tượng</b>  | <b>Nguyên nhân</b>   | <b>Cách khắc phục</b>                              |
|--|--|--|
| Khí không có hoặc ít so với dự kiến                        | Nguyên liệu bị nhiễm độc tố  | Kiểm tra lại nguyên liệu nạp đầu vào có tốt không. |
| Không đủ vi sinh kỵ khí                                    | Đợi một thời gian hoặc bổ sung thêm vi sinh  |  |
| Thời tiết quá lạnh   | Đợi thời tiết ấm lên   |  |
| Đường ống dẫn khí hay thiết bị chứa khí bị rách, rò rỉ khí | Kiểm tra toàn bộ mặt bạt phủ, nếu phát hiện bạt bị rách cần báo cho bộ phận bảo trì để khắc phục |  |
| Nước thải có tính axit                                     | Dùng vôi hoặc tro để điều  |  |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

| <b>Hiện tượng</b>                              | <b>Nguyên nhân</b>   | <b>Cách khắc phục</b>  |
|--|--|--|
| pH<7   | chính  |  |
| Nước thải có tính kiềm                         | Chỉ cần đợi một thời gian  |  |
| Lượng nguyên liệu đầu vào không đủ             | Tăng nguyên liệu nạp bổ sung hoặc cấp khí tự nhiên bằng máy thổi khí |  |
| Thừa khí sử dụng                               | Quá nhiều nguyên liệu  | – Giảm bớt lượng nạp<br>– Thay thiết bị công suất lớn hơn hoặc tăng cường dùng khí cho mục đích khác |
| Nguyên liệu không được nạp vào hầm biogas      | Nguyên liệu quá đặc  | Cần bổ sung thêm nước để pha loãng   |
| Các đường ống cũng như hồ ga trung gian bị tắt | Kiểm tra và thông lại đường ống                                      |  |
| Khí quá hôi                                    | Khí chứa nhiều H <sub>2</sub> S                                      | Giảm lượng chất thải người hoặc lắp thêm bộ lọc H <sub>2</sub> S                                     |

**b) Sự cố cháy nổ**

Nhằm phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi phát sinh sự cố cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu được áp dụng tại cơ sở cụ thể như sau:

- Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chôn tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện. Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của trại.

- Các thiết bị như bình CO<sub>2</sub> được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của Trại, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi có rơm rạ,...Nơi để rơm rạ phải để nơi cách xa những vật dễ cháy, nổ..

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỔ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

| <b>Loại</b>                        | <b>Số lượng</b> | <b>Tình trạng</b> |
|------------------------------------|-----------------|-------------------|
| Bình chữa cháy bột ABC 8kg – MFZL8 | 2               | 70%               |

**c) Sự cố xảy ra dịch bệnh**

Các bệnh thường gặp trong chăn nuôi heo thường gặp bao gồm: bệnh H5N1, H7N9,... Để giảm thiểu tới mức thấp nhất khả năng phát sinh dịch bệnh cho gà trong quá trình nuôi nhốt sẽ nghiêm túc thực hiện các giải pháp như sau:

***c.1. Giải pháp phòng dịch***

+ Định kỳ 4 ngày/lần rắc vôi bột xung quanh khu vực chuồng nuôi. Khu vực trong chuồng nuôi 02 ngày khử trùng một lần.

+ Tiến hành tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng định kỳ chuồng trại chăn nuôi theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn nhằm tiêu diệt mầm bệnh, không để phát sinh dịch bệnh

+ Khi phát hiện gà chết phải báo cáo với cán bộ thú y cấp cơ sở và cán bộ thú y của công ty để có biện pháp xử lý.

***c.2. Giải pháp chống dịch***

Trong trường hợp khi phát hiện dịch bệnh xảy ra phải:

+ Đưa gà bị dịch bệnh vào chuồng cách ly.

+ Thông báo ngay cho cán bộ thú y tại cơ sở.

+ Không bán chạy, không ăn thịt gà trong đàn bị bệnh, không vớt xác chết bừa bãi.

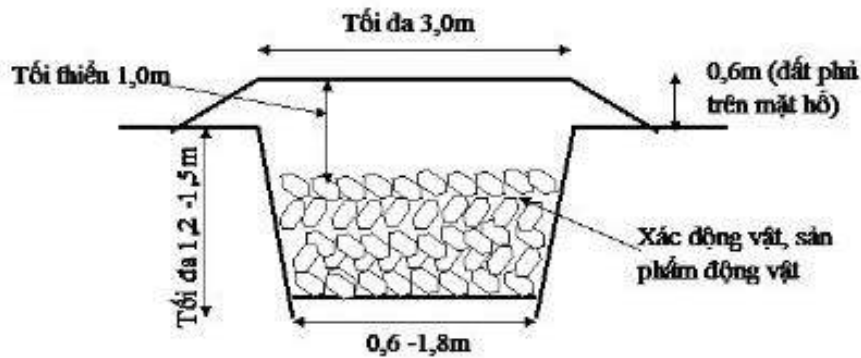
+ Bao vây ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gà chết, mắc bệnh

+ Nghiêm cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ qua lại, ra vào nơi có dịch.

+ Vệ sinh tiêu độc khử trùng các phương tiện ra vào trang trại.

***c.3. Giải pháp xử lý heo chết do dịch bệnh***

+ Trong trường hợp heo chết cơ sở sẽ tiến hành xử lý, tiêu hủy xác chết theo QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Cơ sở bố trí khu vực chôn lấp heo chết kích thước hố rộng 3m, chiều dài 9-12m, chiều sâu 1,2-1,5m.



**Hình 8. Mô hình hố chôn lấp, tiêu hủy heo chết**

Các bước thực hiện khi chôn heo chết (theo 8 bước) đã nêu tại phần biện pháp xử lý đối với heo ốm, chết.

+ Quy trình chôn lấp: được tiến hành 8 bước như sau:

- Bước 1: Khi việc đào hố hoàn tất, cho phân rác, chất độn chuồng xuống đáy hố.

- Bước 2: Đưa xác động vật và sản phẩm động vật cần tiêu hủy xuống hố.

- Bước 3: Rải một lớp phân rác lên trên đồng xác, có thể rắc một lớp vôi bột (0,8-1 kg/m<sup>2</sup>) lớp trên cùng đồng xác.

- Bước 4: Lấp đất cho bằng miệng hố và nén chặt.

- Bước 5: Tiếp tục đắp thêm đất ở trên miệng hố theo hình chóp cụt với chiều cao khoảng 0,6-1 m và rộng ra xung quanh miệng hố 0,3-0,4m để tránh nước mưa chảy vào hố chôn.

- Bước 6: Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20-30 cm và sâu 20-25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa ra thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố chôn.

- Bước 7: Trên bề mặt hố chôn, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m<sup>2</sup>, hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2-0,25 lít/m<sup>2</sup> để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác.

- Bước 8: Sau khi hoàn tất việc chôn, phải đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người quản lý hố chôn trong 1-2 ngày đầu để tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm, hạn chế sự qua lại của người hay vật nuôi quanh khu vực chôn lấp.

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MÔ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

Trong trường hợp số lượng heo chết nhiều, phải báo cáo với cơ quan chức năng như: UBND xã, huyện,...để kịp thời xử lý và tiêu hủy gia cầm chết. Sau khi tiêu hủy gia cầm xong phải vệ sinh toàn bộ khu vực trang trại theo đúng hướng dẫn của cơ quan chức năng.

## **Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:**

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sản xuất từ quá trình giết mổ gia cầm.
- Lưu lượng xả thải tối đa 4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Dòng nước thải: Chủ cơ sở đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải là nước thải sản xuất được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B).
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Dòng nước thải của dự án bao gồm nước thải sinh hoạt được xử lý đạt sản xuất được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Vì vậy, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của dự án được trình bày chi tiết ở bảng sau:

| <b>STT</b> | <b>Chất ô nhiễm</b> | <b>Đơn vị</b> | <b>QCVN<br/>40:2011/BTNMT, Cột B</b> |
|------------|---------------------|---------------|--------------------------------------|
| 1          | pH                  | --            | 5,5 – 9                              |
| 2          | TSS                 | mg/L          | 100                                  |
| 3          | COD                 | mg/L          | 150                                  |
| 4          | BOD5                | mg/L          | 50                                   |
| 5          | Tổng N              | mg/L          | 40                                   |
| 6          | Coliforms           | MPN/100mL     | 5.000                                |

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao lắng sinh học
- Vị trí xả nước thải: thuộc ấp Chặng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ: X= 1097483; Y= 595076 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).
- Phương thức xả nước thải: tự chảy;
- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

### **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có**

### **3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn**

- Nguồn phát sinh tiếng ồn: Phát sinh từ các thiết bị phục vụ sản xuất.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 21 giờ đến 06 giờ).

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MÔ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

---

| <b>S<br/>tt</b> | <b>Khu vực</b>       | <b>Đơn vị</b> | <b>Giá trị giới hạn theo QCVN<br/>26:2010/BTNMT</b> |
|-----------------|----------------------|---------------|---|
|                 |                      |               | <b>Từ 21 giờ đến 6 giờ</b>                          |
| 1               | Khu vực thông thường | dBA           | 45  |

**Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Chất lượng không khí khu vực tại cơ sở và xung quanh cơ sở tại thời điểm khảo sát bình thường. Không thấy hiện tượng không khí bị ô nhiễm.

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực cách cơ sở 100m theo hướng gió
- Ngày lấy mẫu: 27/9/2022
- Chỉ tiêu thử nghiệm: Tiếng ồn, Bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 05: 2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
  - + QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
  - + QCVN 27: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**Bảng 8. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí xung quanh cách Cơ sở 100m**

| TT | Chỉ tiêu        | Đơn vị            | Kết quả | QCVN 05:<br>2023/BTNMT | QCVN 26:<br>2010/BTNMT |
|----|-----------------|-------------------|---------|------------------------|------------------------|
| 1  | Tiếng ồn        | dBA               | 65      | -                      | 70                     |
| 2  | Bụi tổng        | mg/m <sup>3</sup> | 0,11    | 0,3                    | -                      |
| 3  | SO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | 0,054   | 0,35                   | -                      |
| 4  | NO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | 0,045   | 0,2                    | -                      |
| 5  | CO              | mg/m <sup>3</sup> | 4,10    | 30                     | -                      |

*Nguồn:*

- Phiếu kết quả thử nghiệm số 10.22.490-1 ngày 04/10/2022 của Công ty CP Phát triển và phân tích môi trường Pacific.
- Phiếu kết quả thử nghiệm số 10.22.490-2 ngày 04/10/2022 của Công ty CP Phát triển và phân tích môi trường Pacific.

**Nhận xét:** Qua bảng phân tích kết quả cho thấy chất lượng môi trường không khí tại khu vực cách Cơ sở 100 m khá tốt đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí, QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

Kết quả phân tích mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu: 29/9/2023
- Chỉ tiêu thử nghiệm: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng N, Coliforms
- Quy chuẩn so sánh:
  - + QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp

**Bảng 9. Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải sau hệ thống xử lý**

| STT | Thông số         | Đơn vị    | Kết quả | QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B |
|-----|------------------|-----------|---------|---------------------------|
| 1   | pH               | --        | 6,95    | 5,5 – 9                   |
| 2   | TSS              | mg/L      | 46,8    | 100                       |
| 3   | COD              | mg/L      | 87      | 150                       |
| 4   | BOD <sub>5</sub> | mg/L      | 31      | 50                        |
| 5   | Tổng N           | mg/L      | 18,3    | 40                        |
| 6   | Coliforms        | MPN/100mL | 3.300   | 5.000                     |

*Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm số 290923/9815:1/QTMT/REC của Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường – REC*

**Nhận xét:** Qua kết quả phân tích có 06/06 thông số nằm trong quy chuẩn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, nước thải sau hệ thống xử lý có chất lượng tốt.

**Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA  
CƠ SỞ**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

Căn cứ theo khoản 2 Điều 39 Luật bảo vệ môi trường 2020 và khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

**2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, “Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh” không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Căn cứ Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và tình hình hoạt động của cơ sở.

Chủ cơ sở xin đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

**Bảng 10. Chương trình quan trắc định kỳ của cơ sở**

| <b>Nội dung quan trắc</b> | <b>Điểm quan trắc</b>  | <b>Thông số quan trắc</b>                                     | <b>Tần suất quan trắc</b> | <b>QCVN so sánh</b>                      |
|---------------------------|--|---|---------------------------|--|
| Môi trường không khí      | 01 mẫu tại khu vực giết mổ   | Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO | 01 năm/lần                | QCVN 05:2023/BTNMT<br>QCVN 26:2010/BTNMT |
| Nước thải                 | 01 mẫu nước thải tại đầu ra của ống thoát nước thải (NT)   | pH, TSS, COD, BOD <sub>5</sub> , Tổng N, Coliforms            | 01 năm/lần                | QCVN 40:2011 /BTNMT, cột B               |
| Giám sát khác             | - Giám sát hệ thống PCCC và hệ thống chống sét theo định kỳ của cơ quan chuyên môn;<br>- Giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.<br>- Giám sát chất thải rắn |   | 03 tháng/lần              |  |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Căn cứ Khoản 2 Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Dự án không thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Căn cứ theo chương trình quan trắc môi trường tại Cơ sở giết mổ gia cầm Trường Thịnh và Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bộ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại Cơ sở được dự toán như sau:

**Bảng 11. Dự toán kinh phí quan trắc môi trường**

| TT               | Tên thông số     | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền       |
|------------------|------------------|-------------|----------|-----------|------------------|
| <b>I</b>         | <b>Không khí</b> |             |          |           |                  |
| 1                | Tiếng ồn         | Mẫu         | 1        | 290.789   | 290.789          |
| 2                | Bụi              | Mẫu         | 1        | 330.459   | 330.459          |
| 3                | NO <sub>2</sub>  | Mẫu         | 1        | 523.504   | 523.504          |
| 4                | SO <sub>2</sub>  | Mẫu         | 1        | 626.411   | 626.411          |
| 5                | CO               | Mẫu         | 1        | 1.223.028 | 1.223.028        |
| <b>II</b>        | <b>Nước thải</b> |             |          |           |                  |
| 1                | pH               | Mẫu         | 1        | 63.664    | 63.664           |
| 2                | BOD <sub>5</sub> | Mẫu         | 1        | 280.468   | 280.468          |
| 3                | COD              | Mẫu         | 1        | 327.901   | 327.901          |
| 4                | TSS              | Mẫu         | 1        | 235.782   | 235.782          |
| 5                | Tổng N           | Mẫu         | 1        | 427.589   | 427.589          |
| 6                | Coliform         | Mẫu         | 1        | 797.626   | 797.626          |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |             |          |           | <b>5.127.221</b> |

**Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI  
TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Cơ sở chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn bao gồm Sở TN&MT tỉnh Trà Vinh, UBND huyện Châu Thành thông qua Phòng TNMT và UBND xã Hòa Lợi.

Cơ sở chưa bị xử phạt hành chính và xử phạt khác về bảo vệ môi trường.

### **Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Hộ kinh doanh Trần Thị Bông xin cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường, đảm bảo chất thải được xử lý đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường 2020; các Nghị định, thông tư, văn bản pháp quy hiện hành có liên quan đến hoạt động của Dự án;

Cam kết thực hiện các chương trình quản lý và quan trắc môi trường và gửi báo cáo đến các cơ quan có chức năng theo quy định;

Trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại do sự cố mà hoạt động dự án gây ra, khắc phục và phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý và xử lý chất thải phát sinh như sau: Trong quá trình hoạt động dự án, chủ dự án cam kết: các nguồn thải được kiểm soát chặt chẽ, nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường phải đạt theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Đối với môi trường không khí xung quanh:

+ Chủ cơ sở cam kết có biện pháp giảm thiểu thích hợp, đảm bảo đạt Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Cam kết hạn chế tiếng ồn không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh và người lao động.

- Đối với nước thải:

+ Cam kết hệ thống thu gom nước mưa tách riêng hệ thống thu gom nước thải.

+ Cam kết thu gom, xử lý triệt để nước thải phát sinh đạt QCVN 40:2011 BTNMT Cột B.

- Đối với chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: cam kết thực hiện phân loại và ký hợp đồng thu gom chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng; đảm bảo có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; thực

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MÔ GIA CÀM TRƯỜNG THỊNH**

---

hiện đóng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Cam kết quản lý CTR theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

+ Chất thải nguy hại: cam kết ký hợp đồng thu gom vận chuyển chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng trước khi đưa dự án đi vào hoạt động; thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ 01 năm/lần với cơ quan chức năng.

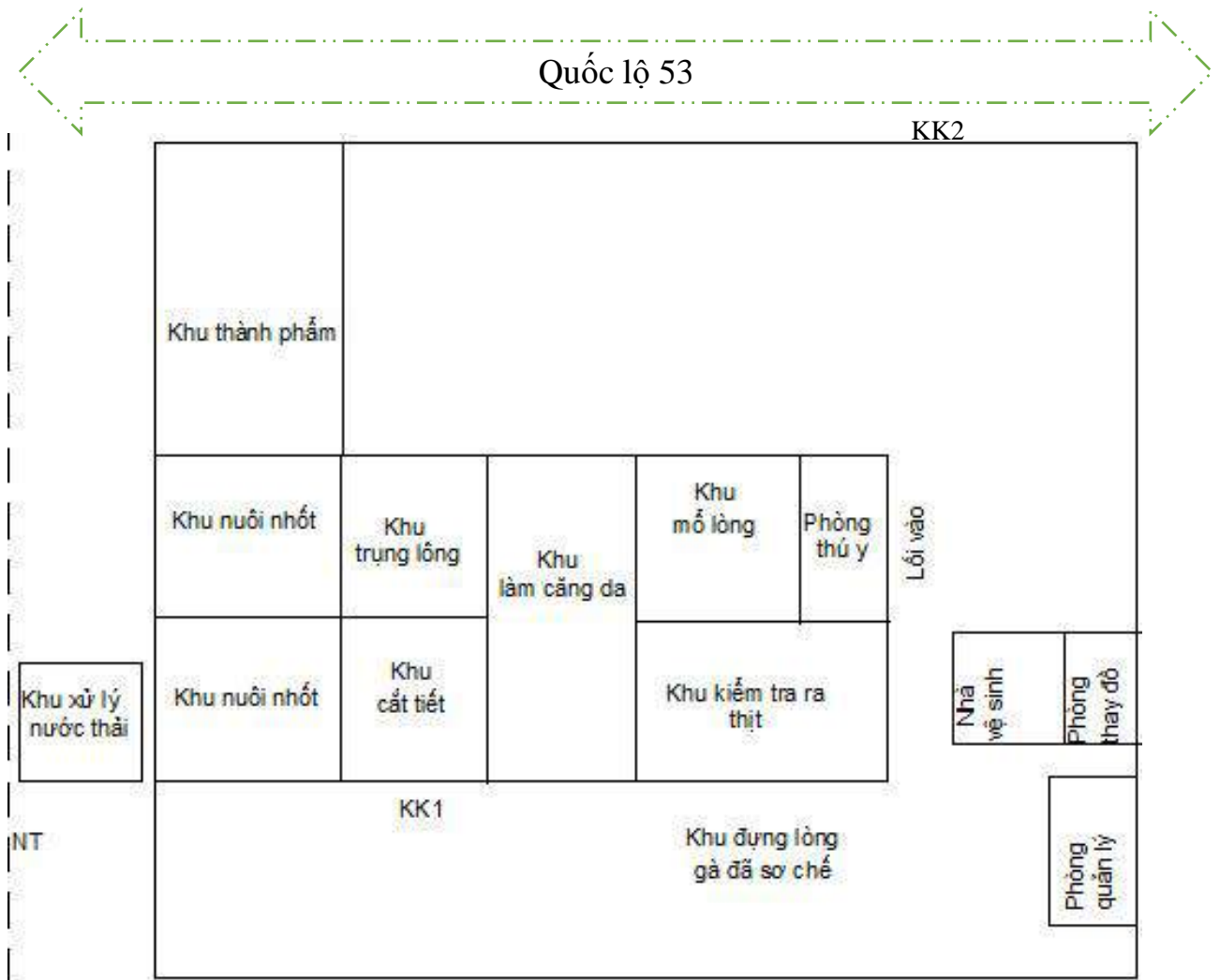
Cam kết chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của cơ sở. Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt./.

Chúng tôi xin gửi kèm theo dưới đây Phụ lục các hồ sơ, văn bản có liên quan đến cơ sở:

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ  
GIẾT MỒ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**



KK1: Không khí tại khu vực sản xuất

KK2: Không khí khu vực cách Cơ sở 100m theo hướng gió

NT: Nước thải sau hệ thống xử lý

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Số: 58C8001442

Đăng ký lần đầu, ngày 15 tháng 10 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 20 tháng 01 năm 2022

1. Tên hộ kinh doanh: **TRẦN THỊ BÔNG**

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0979122201

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh: Giết mổ gia cầm, chế biến thịt gia cầm và các sản phẩm đông lạnh. Điện năng lượng mặt trời mái nhà (35116).

4. Vốn kinh doanh: 800.000.000 đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Hộ gia đình

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh

Họ và tên: **TRẦN THỊ BÔNG**

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân.

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 334774571

Ngày cấp: 05/05/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ thường trú: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**Ghi chú:** Hộ kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp (lần đầu hoặc thay đổi) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, nếu quá thời hạn trên sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật định. (Trích từ thông tư số 95/2016/TT-BTC), ngày 28/06/2016 của Bộ Tài Chính).



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Phạm Trường Sanh**

**ĐÃ ĐỔI CHIẾU BẢN GỐC**



**BẢN SAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Ông: TRẦN CÔNG TRƯỜNG**

Năm sinh: 1976, CMND số: 334026812

Địa chỉ thường trú: ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**Bà: TRẦN THỊ BÔNG**

Năm sinh: 1974, CMND số: 334774571

Địa chỉ thường trú: ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**BH 292588**

## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 522 , tờ bản đồ số: 8
- b) Địa chỉ: ấp Chăng Mát, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 1650 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Một nghìn sáu trăm năm mươi mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 1650 m<sup>2</sup>; chung: Không m<sup>2</sup>
- đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác
- e) Thời hạn sử dụng: 05/12/2017
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Diện tích thừa đất chưa được đo đạc chính xác

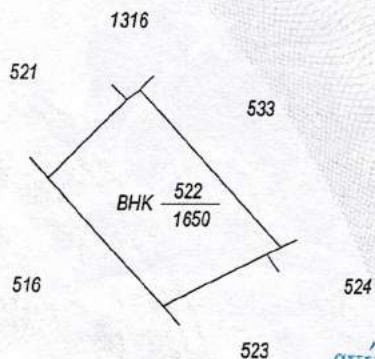
Châu Thành, ngày 22 tháng 6 năm 2012  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Điều

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số: 410 Quyển: 01  
Hòa Lợi, ngày 07 tháng 4 năm 2014  
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Út

Tỷ lệ : 1/2000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý                      | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|------------------------------------|
| <p style="text-align: center;"><b>ĐÃ THU LỆ PHÍ</b></p> |                                    |

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 9 5 1 2 0 1 8 3 9 3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC**  
**Số: 22/2022/HĐ-HTX**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định 37/2019/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ nhu cầu thu gom và bốc tải để đảm bảo vệ sinh môi trường;

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2021, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CƠ SỞ GIẾT MỎ TRƯỜNG THỊNH**

- Đại diện là Ông: **Trần Công Trường**; Chức vụ: **Chủ cơ sở**
- Địa chỉ: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 0979 122 201

**BÊN B: HTX XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

- Đại diện là Bà: **Huỳnh Thị Tuyết**; Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 02943 853123; ĐD: 0963177188
- Tài khoản: 9101110047979, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Trà Vinh.

- Mã số thuế: 2100570945

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều I. Nội dung công việc:**

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom và bốc tải rác thải trong thùng tại khu vực (địa chỉ) bên A.

**Điều II: Trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của mỗi bên:**

**1. Trách nhiệm bên A:**

- Bên A để rác thuận tiện để bên B đến lấy rác. Bên A có trách nhiệm kéo thùng rác ra ngoài để cho bên B bốc rác lên xe. Rác thải trong sinh hoạt có góc động vật phải cho vào túi nylon cột kín, cho vào thùng rác chung.

- Tuyệt đối, không đưa chất thải độc hại lẫn vào trong rác sinh hoạt. Trường hợp nếu ngành chức năng kiểm tra phát hiện rác trên xe có lẫn chất độc hại thì bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## **2. Trách nhiệm của bên B:**

- Thực hiện thu gom và bốc tải rác thải rắn sinh hoạt tại ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

## **Điều III: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:**

- Giá trị hợp đồng: 600.000 đồng/tháng.

(Bằng chữ: Sáu trăm nghìn đồng).

- Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT

- Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán tiền rác cho bên B bằng tiền mặt vào ngày đầu của mỗi quý.

## **Điều IV: Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng, bắt đầu thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## **Điều V: Điều khoản bổ sung:**

- Nếu lượng rác phát sinh trên những con đường mới thì thương lượng lại số lượng mà 02 bên đã ký hợp đồng, bên A phải thỏa thuận điều chỉnh giá thu gom rác cho phù hợp. Nếu không bên B sẽ không bốc tải số rác vượt quá số lượng mà 02 bên ghi trong hợp đồng.-

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có trở ngại, vướng mắc, thì 02 bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất 10 ngày bằng văn bản, để cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

## **Điều VI: Điều khoản chung:**

- Cùng nhau đồng trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường sạch - đẹp - văn minh.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều, khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không tiếp tục gia hạn thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý vào ngày 31/12/2022.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*Nguyễn*

*Trần Thị Ánh Nguyệt*



**Huỳnh Thị Tuyết**

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /GXN-UBND

Châu Thành, ngày 26 tháng 7 năm 2007

## GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Của Dự Án: Lò giết mổ gia cầm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

XÁC NHẬN

**Điều 1.** Ngày 23 tháng 07 năm 2007 Chủ dự án là bà **Trần Thị Bông** đã có Văn bản đề nghị ngày 12 tháng 06 năm 2007 đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án lò giết mổ gia cầm đặt tại Ấp Chăng Mật - Xã Hòa Lợi - Huyện Châu Thành - Tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số: 519 Quyển 0  
TT. Châu Thành, ngày 22 tháng 7 năm 2007



*Nguyễn Ngọc Dũng*

Nguyễn Văn Tiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM  
CERTIFICATE  
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS**

**CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y**

**CHỨNG NHẬN**

Cơ sở/ Establishment: **CƠ SỞ GIẾT MỔ GIA CẦM TRƯỜNG THỊNH**

Mã số/ Approval number: CNTY.TV-10

Địa chỉ/ Address: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại/ Tel: 0979122201

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:**

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

Số cấp/ Number: 10/2020/NNPTNT-TV

Có hiệu lực đến ngày 07 tháng 2 năm 2024

Valid until: 07/2/2024

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 1629 Quyển số: 01 SGT/BS  
Hòa Lợi, ngày 19 tháng 10 năm 2020



Trà Vinh, ngày 01 tháng 9 năm 2020



**Ngô Đức Thạnh**

*Kiên Hoài Vũ*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: **TRẦN THỊ LỆ THÙY**

Năm sinh: 1969, CMND số: 023505661

Địa chỉ thường trú: 4/1/8 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP Hồ Chí Minh

BH 292259

## II Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 336, tờ bản đồ số: 17
- b) Địa chỉ: ấp Chăng Mật, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
- c) Diện tích: 385,2 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm phẩy hai mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 385,2 m<sup>2</sup>; chung: Không m<sup>2</sup>
- d) Mục đích sử dụng: - Đất ở 175,3 m<sup>2</sup>, - Đất trồng cây lâu năm 209,9 m<sup>2</sup>
- e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: 23/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 175,3m<sup>2</sup>;  
Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 209,9m<sup>2</sup>

### 2. Nhà ở: -/-

### 3. Công trình xây dựng khác: -/-

### 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

### 5. Cây lâu năm: -/-

### 6. Ghi chú:

Thửa đất có 63,7m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông

Châu Thành, ngày 08 tháng 6 năm 2012

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

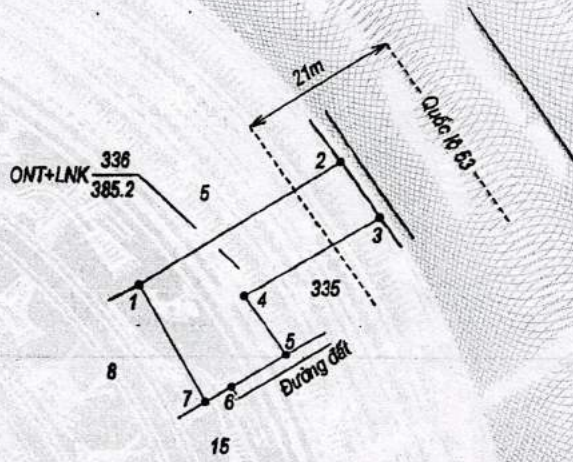
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH02484

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1340 Quyền số: 01 SCT/BS  
 Hòa Lợi, ngày 22 tháng 10 năm 2012

CHỦ TỊCH



*Chánh Chánh Bình*  
 Tỷ lệ: 1/1000

| Cạnh | Chiều dài (m) |
|------|---------------|
| 1-2  | 31.33         |
| 2-3  | 8.95          |
| 3-4  | 20.80         |
| 4-5  | 9.50          |
| 5-6  | 8.33          |
| 6-7  | 4.01          |
| 7-1  | 17.77         |

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển nhượng cho ông **Trần Công Trường**, SN 1976, CMND số 334026812, cấp ngày 19/11/2010, tại CATV và bà **Trần Thị Bông**, SN 1974, CMND số 334774571, cấp ngày 05/05/2009, tại CATV. Địa chỉ thường trú: ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số 29395.011968.CN.VP.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

29/6/2012  
 PHÓ GIÁM ĐỐC

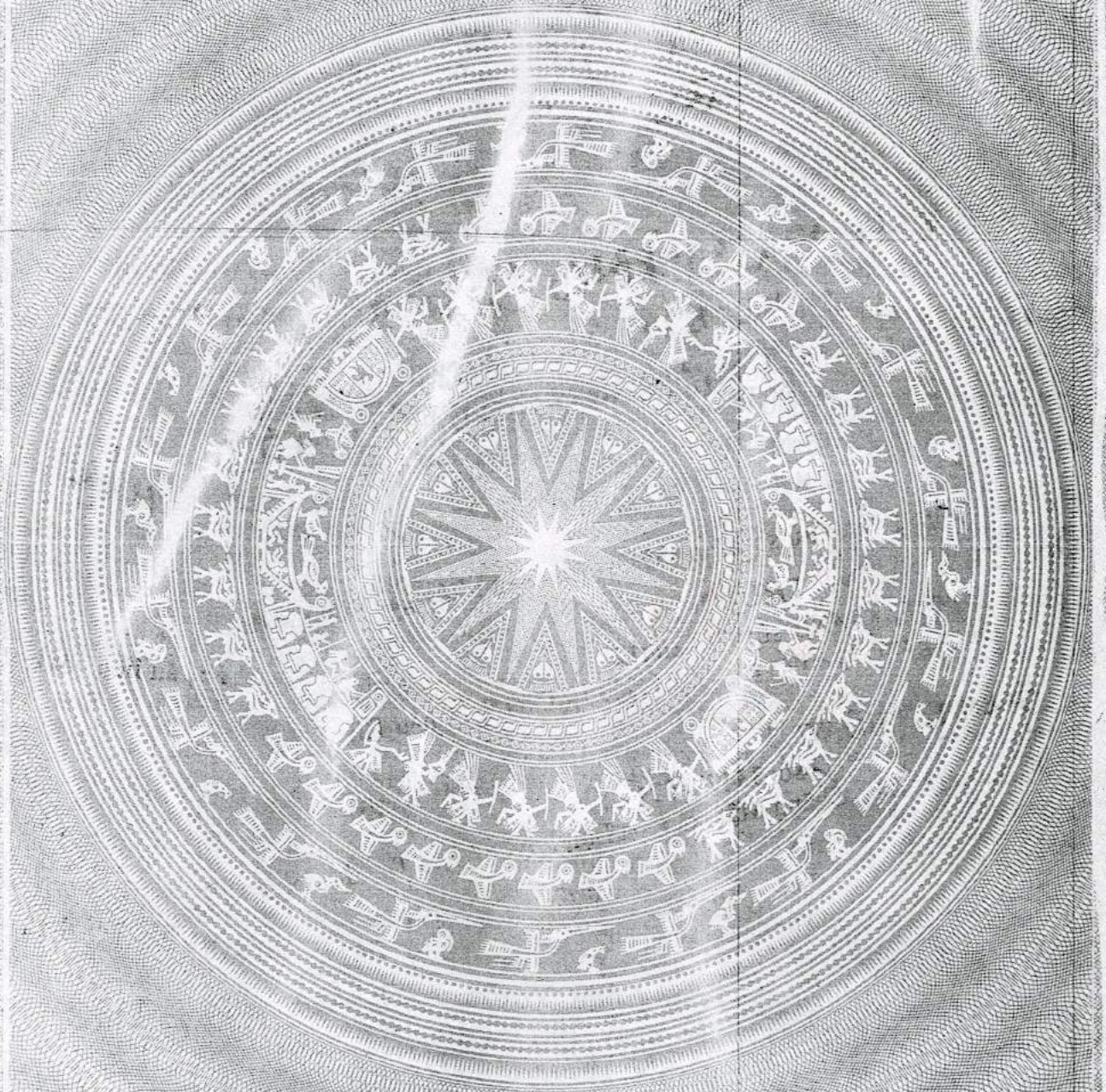


*Trần Thị Bông*

**ĐÃ THU PHÍ**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 9 5 1 2 0 1 7 6 7 5

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ BỐC TẢI RÁC**  
**Số: 58/2023/HĐTG-HTX**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ nhu cầu thu gom và bốc tải để đảm bảo vệ sinh môi trường;

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, Chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CƠ SỞ GIẾT MỒ TRƯỜNG THỊNH**

- Đại diện là Ông: **Trần Công Trường**; Chức vụ: **Chủ cơ sở**
- Địa chỉ: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 0979 122 201

**BÊN B: HTX XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

- Đại diện là Bà: **Huỳnh Thị Tuyết**; Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: 9/91B Phạm Ngũ Lão, Khóm 4, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 02943 853123; ĐD: 0963177188
- Tài khoản: 9101110047979, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Trà Vinh.
- Mã số thuế: 2100570945

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều I. Nội dung công việc:**

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom và bốc tải rác thải trong thùng tại khu vực (địa chỉ) bên A.

**Điều II: Trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của mỗi bên:**

**1. Trách nhiệm bên A:**

- Bên A để rác thuận tiện để bên B đến lấy rác. Bên A có trách nhiệm kéo thùng rác ra ngoài để cho bên B bốc rác lên xe. Rác thải trong sinh hoạt có góc động vật phải cho vào túi nylon cột kín, cho vào thùng rác chung.

- Tuyệt đối, không đưa chất thải độc hại lẫn vào trong rác sinh hoạt. Trường hợp nếu ngành chức năng kiểm tra phát hiện rác trên xe có lẫn chất độc hại thì bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## **2. Trách nhiệm của bên B:**

- Thực hiện thu gom và bốc tải rác thải rắn sinh hoạt tại ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

## **Điều III: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:**

- Giá trị hợp đồng: **600.000 đồng/tháng** (Giá đã bao gồm thuế GTGT)

Bằng chữ: Sáu trăm nghìn đồng

- Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán tiền rác cho bên B bằng tiền mặt vào ngày đầu của mỗi quý.

## **Điều IV: Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng, bắt đầu thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## **Điều V: Điều khoản bổ sung:**

- Nếu lượng rác phát sinh trên những con đường mới thì thương lượng lại số lượng mà 02 bên đã ký hợp đồng, bên A phải thỏa thuận điều chỉnh giá thu gom rác cho phù hợp. Nếu không bên B sẽ không bốc tải số rác vượt quá số lượng mà 02 bên ghi trong hợp đồng.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có trở ngại, vướng mắc, thì 02 bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất 10 ngày bằng văn bản, để cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

## **Điều VI: Điều khoản chung:**

- Cùng nhau đồng trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường sạch - đẹp - văn minh.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều, khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không tiếp tục gia hạn thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý vào ngày 31/12/2023.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

  
Trần Công Tường



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày: 04/10/2022

Số: 10.22.490 - 1

- Khách hàng: **HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG**
- Địa điểm lấy mẫu: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 27/09/2022 Ngày trả kết quả: 04/10/2022
- Loại mẫu: Vi khí hậu Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

| Mã số mẫu     | Vị trí lấy mẫu                         |
|---------------|--|
| 2709.TTB.KK01 | Khu vực cách dự án 100m theo hướng gió |
| 2709.TTB.KK02 | Khu vực thực hiện dự án                |

6. Phương pháp quan trắc:

| Stt | Thông số | Đơn vị | Phương pháp quan trắc |
|-----|----------|--------|-----------------------|
| 1.  | Tiếng ồn | dBA    | TCVN 7878 - 2:2018    |

7. Kết quả:

| Kết quả            | Thông số       |
|--------------------|----------------|
|                    | Tiếng ồn (dBA) |
| 2709.TTB.KK01      | 65,0           |
| QCVN 26:2010/BTNMT | <70            |
| 2709.TTB.KK02      | 60,4           |
| QCVN 24:2016/BYT   | ≤ 85           |

**Ghi chú:** - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (\*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

- (\*\*): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).

- KPH: Không phát hiện (&lt;MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm

Dinh Bảo Liên



Giám đốc PACIFIC

Lê Thị Ngọc Huyền

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 04/10/2022

Số: 10.22.490 - 2

- Khách hàng: **HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG**
- Địa điểm lấy mẫu: **Áp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 27/09/2022 Ngày trả kết quả: 04/10/2022
- Loại mẫu: Không khí Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

| Mã số mẫu     | Vị trí lấy mẫu                         |
|---------------|--|
| 2709.TTB.KK01 | Khu vực cách dự án 100m theo hướng gió |
| 2709.TTB.KK02 | Khu vực thực hiện dự án                |

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

| Stt | Thông số        | Đơn vị            | Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm |
|-----|-----------------|-------------------|--------------------------------|
| 1.  | Bụi             | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                 |
| 2.  | SO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 5971:1995                 |
| 3.  | NO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 6137:2009                 |
| 4.  | CO              | mg/m <sup>3</sup> | HD - CO                        |

7. Kết quả:

| Kết quả            | Thông số             |                 |                 |      |
|--------------------|----------------------|-----------------|-----------------|------|
|                    | Bụi                  | SO <sub>2</sub> | NO <sub>2</sub> | CO   |
|                    | (mg/m <sup>3</sup> ) |                 |                 |      |
| 2709.TTB.KK01      | 0,110                | 0,054           | 0,045           | 4,10 |
| QCVN 05:2013/BTNMT | 0,3                  | 0,35            | 0,2             | 30   |
| 2709.TTB.KK02      | 0,120                | 0,048           | 0,042           | 4,85 |
| QCVN 02:2019/BYT   | 8                    | --              | --              | --   |
| QCVN 03:2019/BYT   | --                   | 10              | 10              | 40   |

**Ghi chú:** - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (\*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

- (\*\*): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).

- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm




Giám đốc PACIFIC



Đ. Lê P. Lê

Đ. Lê N. Lê



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 05/10/2022

Số: 10.22.502 - 1

- Khách hàng: **HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG**
- Địa điểm lấy mẫu: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 28/09/2022 Ngày trả kết quả: 05/10/2022
- Loại mẫu: Vi khí hậu Số lượng: 01
- Thông tin mẫu:

| Mã số mẫu     | Vị trí lấy mẫu          |
|---------------|-------------------------|
| 2809.TTB.KK01 | Khu vực thực hiện dự án |

6. Phương pháp quan trắc:

| Stt | Thông số | Đơn vị | Phương pháp quan trắc |
|-----|----------|--------|-----------------------|
| 1.  | Tiếng ồn | dBA    | TCVN 7878 - 2:2018    |

7. Kết quả:

| Kết quả          | Thông số       |
|------------------|----------------|
|                  | Tiếng ồn (dBA) |
| 2809.TTB.KK01    | 64,5           |
| QCVN 24:2016/BYT | ≤ 85           |

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
  - (\*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
  - (\*\*): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
  - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
  - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Liên



Lê Thị Ngọc Huyền

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày: 05/10/2022

Số: 10.22.502 - 2

- Khách hàng: **HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG**
- Địa điểm lấy mẫu: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 28/09/2022 Ngày trả kết quả: 05/10/2022
- Loại mẫu: Không khí Số lượng: 01
- Thông tin mẫu:

| Mã số mẫu     | Vị trí lấy mẫu                         |
|---------------|--|
| 2809.TTB.KK01 | Khu vực thực hiện dự án <sup>(b)</sup> |

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

| Stt | Thông số        | Đơn vị            | Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm |
|-----|-----------------|-------------------|--------------------------------|
| 1.  | Bụi             | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                 |
| 2.  | SO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 5971:1995                 |
| 3.  | NO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 6137:2009                 |
| 4.  | CO              | mg/m <sup>3</sup> | HD - CO                        |

7. Kết quả:

| Kết quả          | Thông số             |                 |                 |      |
|------------------|----------------------|-----------------|-----------------|------|
|                  | Bụi                  | SO <sub>2</sub> | NO <sub>2</sub> | CO   |
|                  | (mg/m <sup>3</sup> ) |                 |                 |      |
| 2809.TTB.KK01    | 0,140                | 0,062           | 0,040           | 4,20 |
| QCVN 02:2019/BYT | 8                    | --              | --              | --   |
| QCVN 03:2019/BYT | --                   | 10              | 10              | 40   |

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
  - (\*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
  - (\*\*): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
  - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
  - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Đinh Bảo Liên

Giám đốc PACIFIC



Lê Thị Ngọc Huyền

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 05/10/2022

Số: 10.22.504 - 1

- Khách hàng: **HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG**
- Địa điểm lấy mẫu: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/09/2022 Ngày trả kết quả: 05/10/2022
- Loại mẫu: Vi khí hậu Số lượng: 01
- Thông tin mẫu:

| Mã số mẫu     | Vị trí lấy mẫu          |
|---------------|-------------------------|
| 2909.TTB.KK01 | Khu vực thực hiện dự án |

6. Phương pháp quan trắc:

| Stt | Thông số | Đơn vị | Phương pháp quan trắc |
|-----|----------|--------|-----------------------|
| 1.  | Tiếng ồn | dBA    | TCVN 7878 – 2:2018    |

7. Kết quả:

| Kết quả          | Thông số       |
|------------------|----------------|
|                  | Tiếng ồn (dBA) |
| 2909.TTB.KK01    | 62,4           |
| QCVN 24:2016/BYT | ≤ 85           |

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
  - (\*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
  - (\*\*): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
  - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
  - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm

*Dinh Bảo Liên*



Giám đốc PACIFIC

*Lê Thị Ngọc Huyền*

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 05/10/2022

Số: 10.22.504 - 2

- Khách hàng: **HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ BÔNG**
- Địa điểm lấy mẫu: Ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/09/2022 Ngày trả kết quả: 05/10/2022
- Loại mẫu: Không khí Số lượng: 01
- Thông tin mẫu:

| Mã số mẫu     | Vị trí lấy mẫu          |
|---------------|-------------------------|
| 2909.TTB.KK01 | Khu vực thực hiện dự án |

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

| Stt | Thông số        | Đơn vị            | Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm |
|-----|-----------------|-------------------|--------------------------------|
| 1.  | Bụi             | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                 |
| 2.  | SO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 5971:1995                 |
| 3.  | NO <sub>2</sub> | mg/m <sup>3</sup> | TCVN 6137:2009                 |
| 4.  | CO              | mg/m <sup>3</sup> | HD - CO                        |

7. Kết quả:

| Kết quả          | Thông số             |                 |                 |      |
|------------------|----------------------|-----------------|-----------------|------|
|                  | Bụi                  | SO <sub>2</sub> | NO <sub>2</sub> | CO   |
|                  | (mg/m <sup>3</sup> ) |                 |                 |      |
| 2909.TTB.KK01    | 0,230                | 0,059           | 0,052           | 4,80 |
| QCVN 02:2019/BYT | 8                    | --              | --              | --   |
| QCVN 03:2019/BYT | --                   | 10              | 10              | 40   |

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
  - (\*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
  - (\*\*): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
  - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
  - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Liên



Giám đốc PACIFIC



Lô Thị Ngọc Huyền

# BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

## CHỨNG NHẬN

### ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 303

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Trụ sở chính:

Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Lê Thị Ngọc Huyền Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 079193012135 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày tháng năm 2022

Đến ngày tháng năm 2025

## LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

### I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

#### 1. Nước:

|                  |                      |                                 |
|------------------|----------------------|---------------------------------|
| - Nước mặt:      | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 08 thông số |
| - Nước dưới đất: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 08 thông số |
| - Nước biển:     | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 07 thông số |
| - Nước thải:     | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 03 thông số |

#### 2. Khí

|                         |                      |                                 |
|-------------------------|----------------------|---------------------------------|
| - Không khí xung quanh: | Lấy mẫu: 08 thông số | Đo tại hiện trường: 05 thông số |
| - Khí thải:             | Lấy mẫu: 15 thông số | Đo tại hiện trường: 12 thông số |

#### 3. Đất:

Lấy mẫu: 01 thông số

#### 4. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01 thông số

Lấy mẫu: 01 thông số

Lấy mẫu: 01 thông số

### II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nước:

|                  |             |
|------------------|-------------|
| - Nước mặt:      | 36 thông số |
| - Nước dưới đất: | 33 thông số |
| - Nước biển:     | 22 thông số |
| - Nước thải:     | 32 thông số |

#### 2. Khí:

|                         |             |
|-------------------------|-------------|
| - Không khí xung quanh: | 07 thông số |
| - Khí thải:             | 12 thông số |

Lấy mẫu: 14 thông số

Lấy mẫu: 10 thông số

Lấy mẫu: 12 thông số

Lấy mẫu: 11 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

**1. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC**

Địa chỉ: Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường** (Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**2. Số đăng ký: 303/TN-QTMT.**

**3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.**

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

Số:            /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;*

*Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chứng nhận “**Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC**”, địa chỉ tại Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **303/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 303**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**